

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/HS-ST
Ngày 30-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Tím và bà Nguyễn Thị Quy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhuần - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại Hội trường Nhà văn hóa khu An Thái, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2018, đối với bị cáo:

Đoàn Văn T, sinh năm 1989; nơi sinh, nơi đăng ký thường trú, nơi sinh sống: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn H và bà Đinh Thị S; có vợ là Phạm Thị H; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

Năm 2010, phạm tội Công nhiên chiếm đoạt tài sản, bị TAND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, tại Bản án số: 24/2010/HSST ngày 17/8/2010. Đã được xóa án tích.

Ngày 21/9/2016, thực hiện hành vi vi phạm hành chính, bị Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Hải Dương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi mua dâm, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 158/QĐ-XPVPHC ngày 26/9/2016.

Ngày 17/3/2018, phạm tội Cướp giật tài sản, bị TAND huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xử phạt 03 năm 06 tháng, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 06/4/2018 tù, tại Bản án số: 30/2018/HSST ngày 26/6/2018.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương, để chấp hành Bản án số: 30/2018/HSST ngày 26/6/2018 của TAND huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Trong vụ án này, bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; có mặt.

- *Bị hại:* Chị Đào Thị Thu H, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương;

- *Người làm chứng:*

1. Anh Đào Văn H1, sinh năm 1984; nơi cư trú: Khu V, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

2. Bà Phạm Thị V, sinh năm 1969;

3. Ông Bùi Như Ph, sinh năm 1968;

Đều có nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương; đều vắng mặt.

4. Bà Đinh Thị S, sinh năm 1965; có mặt;

5. Ông Đoàn Văn H, sinh năm 1958; vắng mặt;

Đều có nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 12/3/2018, Đoàn Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM, biển số: 34L2-xxxx từ nhà đến Công ty may T ở khu công nghiệp L thuộc xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương để làm việc (*T là công nhân của Công ty*). Khi đi trên trục đường chính trong khu công nghiệp, T phát hiện thấy chị Đào Thị Thu H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, biển số: 34B3-xxx.xx đi cùng chiều phía trước, túi quần trước bên phải của chị H để hở ra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A37 màu vàng hồng. T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại này để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. T điều khiển xe đi áp sát vào phía bên phải xe của chị H, dùng tay trái giật được chiếc điện thoại của chị H rồi tăng ga bỏ chạy ra Quốc lộ 5A. T tắt điện thoại, tháo ốp lưng điện thoại bằng nhựa màu trắng vứt đi. Khoảng 12 giờ cùng ngày, T mở điện thoại giật được ra xem, nhìn ảnh màn hình nhận ra chị H là người cùng xã, làm cùng công ty. T tháo sim, xóa hết dữ liệu của điện thoại. Khoảng 16 giờ 30

phút cùng ngày, do sợ bị chị H phát hiện, trình báo công an, nên T gọi điện thoại cho anh Đào Văn H1 là người quen của chị H, làm cùng Công ty may T và thuê một người đàn ông lái xe ôm không rõ tên tuổi, địa chỉ đem chiếc điện thoại của chị H đến khu công nghiệp L giao cho anh H1, nhờ anh H1 trả lại điện thoại cho chị H. Anh H1 đã giao chiếc điện thoại này cho chị H.

Ngày 06/4/2018, T bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương khởi tố, bắt tạm giam về tội Cướp giật tài sản xảy ra vào ngày 17/3/2018.

Tại kết luận định giá tài sản số: 10/KL-HĐĐG ngày 02/5/2018 và số: 17/KL-HĐĐG ngày 29/6/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A37 trị giá 2.987.000 đồng, ốp nhựa màu trắng của chiếc điện thoại trị giá 46.700 đồng.

Quá trình điều tra, Đoàn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 43/CT-VKS-HS ngày 06/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Đoàn Văn T về tội Cướp giật tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn T phạm tội Cướp giật tài sản. Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đoàn Văn T từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 09 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 03 năm 06 tháng tù, tại Bản án số: 30/2018/HS-ST ngày 26/6/2018 của TAND huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương; buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt tù chung từ 06 năm 09 tháng tù đến 07 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 06/4/2018. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đoàn Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Đoàn Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Đoàn Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ được và phù hợp với các tài liệu khác có tại hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ ngày 12/3/2018, tại trục đường chính khu công nghiệp L thuộc xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương, Đoàn Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM, biển số: 34L2-xxxx áp sát bên phải xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, biển số: 34B3-xxx.xx do chị Đoàn Thị Thu H điều khiển cùng chiều phía trước, dùng tay trái giật chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A37, trị giá 2.987.000 đồng của chị H để trong túi quần bên phải. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cướp giật tài sản của người khác là trái pháp luật, nhưng do động cơ tư lợi, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Đoàn Văn T phạm tội Cướp giật tài sản được quy định tại Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Khi phạm tội, bị cáo đi xe máy để cướp giật điện thoại của chị H cũng đang điều khiển xe máy tham gia giao thông. Vì vậy, hành vi cướp giật tài sản của bị cáo thuộc trường hợp ***“Dùng thủ đoạn nguy hiểm”*** nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo về tội phạm trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại quyền sở hữu về tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý lo sợ trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi cố ý đã gây ra và phải chịu một hình phạt theo quy định của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt không lớn; bị cáo tự nguyện trả lại tài sản cho người bị hại và đề nghị gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có bố đẻ là người có công với Nhà nước được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về nhân thân, bị cáo đã bị kết án về tội Công nhiên chiếm đoạt tài sản và bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo đã được đương nhiên xóa án tích và được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng mà lại tiếp tục phạm tội.

[4] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo,

cần phải xử phạt nghiêm và áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Bị cáo đang phải chấp hành một bản án khác mà lại phạm tội mới, nên Toà án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của nhiều bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh, điều kiện kinh tế của bị cáo, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Sau khi chiếm đoạt chiếc điện thoại của chị H, bị cáo đã trả lại điện thoại và gia đình bị cáo đã bồi thường cho chị H. Bị hại là chị H không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác nên Tòa án không phải giải quyết. Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, biển số: 34L2-xxxx, bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, sau đó bị cáo lại sử dụng đi phạm tội trong một vụ án khác và được xử lý tại Bản án số: 30/2018/HS-ST ngày 26/6/2018 của TAND huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương nên Tòa án không xét.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết luận phạm tội, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn T phạm tội Cướp giật tài sản.

2. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T 03 năm 03 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 03 năm 06 tháng tù, tại Bản án số: 30/2018/HS-ST ngày 26/6/2018 của TAND huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương; buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt tù chung là 06 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 06/4/2018.

3. Về án phí: Bị cáo Đoàn Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đối với người vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, hồ sơ thi hành án hình sự, văn phòng.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn